



Mã số/ Ref. No: 02565/2024/PKQ (24.2651)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Mẫu gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA - Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước thải

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations
24.2651.NT.01	Nước ra khỏi hồ ổn định

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 24/05/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/06/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 40:2011/BTNMT
				24.2651.NT.01	Cột A, Cmax Kq = 0,9; Kf = 1,0
1	Chì ^(c)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,002)	0,09
2	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,97	6 ÷ 9
3	Nhiệt độ ^(a,b)	°C	SMEWW 2550B: 2017	29,1	40
4	Độ màu ^(a,b)	Pt-Co	SMEWW 2120C:2017	40	50
5	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	36,6	45
6	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	64	67,5
7	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	26,8	27
8	S ²⁻ ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	<0,1	0,18
9	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	<10	18
10	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,53	3,6
11	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,4x10 ³	3.000
12	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	4,5
13	Cu ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,03)	1,8
14	Zn ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,01)	2,7
15	Hg ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL=0,0003)	0,0045

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
4. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 02565/2024/PKQ (24.2651)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Mẫu gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA - Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations
24.2651.NT.01	Nước ra khỏi hồ ổn định

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 24/05/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/06/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 40:2011/BTNMT
				24.2651.NT.01	Cột A, Cmax Kq = 0,9; Kf = 1,0
1	Chì ^(c)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,002)	0,09
2	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,97	6 ÷ 9
3	Nhiệt độ ^(a,b)	°C	SMEWW 2550B: 2017	29,1	40
4	Độ màu ^(a,b)	Pt-Co	SMEWW 2120C:2017	40	50
5	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	36,6	45
6	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	64	67,5
7	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	26,8	27
8	S ²⁻ ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	<0,1	0,18
9	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	<10	18
10	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,53	3,6
11	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,4x10 ³	3.000
12	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	4,5
13	Cu ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,03)	1,8
14	Zn ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,01)	2,7
15	Hg ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL=0,0003)	0,0045

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
4. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY





CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mt-daiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 02564/2024/PKQ (24.2651)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Mẫu gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA - Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước thải

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations
24.2651.NT.02	Nước thải ra kênh Nội Đồng

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 24/05/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/06/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 40:2011/BTNMT
				24.2651.NT.02	Cột A, Cmax Kq = 0,9; Kf = 1,0
1	Nhiệt độ ^(a,b)	°C	SMEWW 2550B: 2017	29,3	40
2	Clo dư ^(a)	mg/L	HDCV/ĐN-H08	<0,03	0,9

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY



Mã số/ Ref. No: 02564/2024/PKQ (24.2651)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Mẫu gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA - Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations
24.2651.NT.02	Nước thải ra kênh Nội Đồng

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 24/05/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/06/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 40:2011/BTNMT
				24.2651.NT.02	Cột A, Cmax Kq = 0,9; Kf = 1,0
1	Nhiệt độ ^(a,b)	°C	SMEWW 2550B: 2017	29,3	40
2	Clo dư ^(a)	mg/L	HDCV/ĐN-H08	<0,03	0,9

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

Mã số/ Ref. No: 02566/2024/PKQ (24.2651)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Mẫu gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA - Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước mặt
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations
24.2651.NM.01	Nước mặt kênh tưới nội đồng Tân Hưng

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 24/05/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/06/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 08:2023/BTNMT
				24.2651.NM.01	Bảng 3, Mức B ⁽¹⁾
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,75	6 ÷ 8,5
2	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5)	15
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	11,2	15
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	5	6
5	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	KPH (MDL=3)	1,5
6	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,19	0,3
7	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	200	5.000

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
4. (1): Bảng 3. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước; Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 02566/2024/PKQ (24.2651)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Mẫu gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA - Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước mặt
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations
24.2651.NM.01	Nước mặt kênh tưới nội đồng Tân Hưng

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 24/05/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/06/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 08:2023/BTNMT
				24.2651.NM.01	Bảng 3, Mức B ⁽¹⁾
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,75	6 ÷ 8,5
2	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5)	15
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	11,2	15
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	5	6
5	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	KPH (MDL=3)	1,5
6	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,19	0,3
7	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	200	5.000

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
4. (1): Bảng 3. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước; Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ



ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 02568/2024/PKQ (24.2651)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
- Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Mẫu gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA - Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
- Loại mẫu/ Type of sample: Bùn thải
- Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations
24.2651.BT.01	Bùn thải tại sân phơi bùn

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 24/05/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/06/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 50:2013/BTNMT	
				24.2651.BT.01	Ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết C _{tc}	Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối H _{tc} , T=0,84
1	Asen ^(c)	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	KPH (MDL=0,09)	-	33,9
2	Benzen ^(c)	mg/kg	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D	KPH (MDL=0,6)	-	8,48
3	Chì ^(c)	mg/kg	US EPA method 3050B + US EPA method 7000B	8,26	-	254
4	Phenol ^(c)	mg/kg	US EPA Method 3540C + US EPA Method 3650B + US EPA Method 8041A	KPH (MDL=2)	-	16.960
5	Thủy ngân ^(c)	mg/kg	US EPA Method 7471B	KPH (MDL=0,1)	-	3,39
6	Zn ^(a,b)	mg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 7000B	KPH (MDL=0,64)	250	-
7	Cd ^(a,b)	mg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 7000B	KPH (MDL=0,44)	0,5	-
8	Ni ^(a,b)	mg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 7000B	KPH (MDL=2,45)	70	-

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
- Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



9	Ba ^(a,b)	mg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 7000B	KPH (MDL=3,21)	100	-
10	Ag ^(a,b)	mg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 7000B	KPH (MDL=2,15)	5	-
11	Co ^(a,b)	mg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 7000B	KPH (MDL=1,73)	80	-
12	Tổng dầu ^(a)	mg/kg	US EPA method 9071B	<30	-	848
13	Crom (VI) ^(a,b)	mg/kg	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	KPH (MDL=1)	-	84,8
14	Se ^(c)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	KPH (MDL=0,3)	-	17

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
4. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

DP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 02568/2024/PKQ (24.2651)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Mẫu gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA - Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
3. Loại mẫu/ Type of sample: Bùn thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations
24.2651.BT.01	Bùn thải tại sân phơi bùn

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 24/05/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/06/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 50:2013/BTNMT	
				24.2651.BT.01	Ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết C_{tc}	Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối H_{tc} , $T=0,84$
1	Asen ^(c)	mg/kg	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	KPH (MDL=0,09)	-	33,9
2	Benzen ^(c)	mg/kg	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D	KPH (MDL=0,6)	-	8,48
3	Chì ^(c)	mg/kg	US EPA method 3050B + US EPA method 7000B	8,26	-	254
4	Phenol ^(c)	mg/kg	US EPA Method 3540C + US EPA Method 3650B + US EPA Method 8041A	KPH (MDL=2)	-	16.960
5	Thủy ngân ^(c)	mg/kg	US EPA Method 7471B	KPH (MDL=0,1)	-	3,39
6	Zn ^(a,b)	mg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 7000B	KPH (MDL=0,64)	250	-
7	Cd ^(a,b)	mg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 7000B	KPH (MDL=0,44)	0,5	-
8	Ni ^(a,b)	mg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 7000B	KPH (MDL=2,45)	70	-

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



9	Ba ^(a,b)	mg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 7000B	KPH (MDL=3,21)	100	..
10	Ag ^(a,b)	mg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 7000B	KPH (MDL=2,15)	5	-
11	Co ^(a,b)	mg/L	US EPA method 1311 + US EPA method 7000B	KPH (MDL=1,73)	80	-
12	Tổng dầu ^(a)	mg/kg	US EPA method 9071B	<30	-	848
13	Crom (VI) ^(a,b)	mg/kg	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	KPH (MDL=1)	-	84,8
14	Se ^(c)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	KPH (MDL=0,3)	-	

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
4. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

DP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 02567/2024/PKQ (24.2651)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Mẫu gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA - Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước dưới đất
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations
24.2651.NDD.01	Nước ngầm nông trường Tân Hưng
24.2651.NDD.02	Nước ngầm nông trường Bến Cầu
24.2651.NDD.03	Nước ngầm nông trường Biên Giới

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 24/05/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/06/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 09:2023/ BTNMT ⁽¹⁾
				24.2651. NDD.01	24.2651. NDD.02	24.2651. NDD.03	Giá trị giới hạn
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,81	6,88	8,23	5,8 ÷ 8,5
2	TDS ^(a,b)	mg/L	HDCV/ĐN-H19	96,8	96,5	171	1.500
3	Độ cứng tổng số ^(a,b)	mg/L	TCVN 6224:1996	6,4	22	7,2	500
4	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,13	0,12	0,1	
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,13	0,1	0,16	
6	Fe ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,06	KPH (MDL=0,02)	0,11	5
7	Cl ^{-(a,b)}	mg/L	TCVN 6194:1996	36,6	KPH (MDL=2)	72,6	250
8	SO ₄ ^{2-(a,b)}	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	16,08	18,59	KPH (MDL=4)	400
9	E.Coli ^(a,b)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	Không phát hiện
10	Coliforms ^(a,b)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	3

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
4. (1): QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY





CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 02567/2024/PKQ (24.2651)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Mẫu gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA - Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước dưới đất
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations
24.2651.NDD.01	Nước ngầm nông trường Tân Hưng
24.2651.NDD.02	Nước ngầm nông trường Bến Cầu
24.2651.NDD.03	Nước ngầm nông trường Biên Giới

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 24/05/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/06/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 09:2023/ BTNMT ⁽¹⁾
				24.2651. NDD.01	24.2651. NDD.02	24.2651. NDD.03	Giá trị giới hạn
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,81	6,88	8,23	5,8 ÷ 8,5
2	TDS ^(a,b)	mg/L	HDCV/ĐN-H19	96,8	96,5	171	1.500
3	Độ cứng tổng số ^(a,b)	mg/L	TCVN 6224:1996	6,4	22	7,2	500
4	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,13	0,12	0,1	1
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,13	0,1	0,16	15
6	Fe ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,06	KPH (MDL=0,02)	0,11	5
7	Cl ⁻ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6194:1996	36,6	KPH (MDL=2)	72,6	250
8	SO ₄ ²⁻ ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	16,08	18,59	KPH (MDL=4)	400
9	E.Coli ^(a,b)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	Không phát hiện
10	Coliforms ^(a,b)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	3

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
4. (1): QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY



Số: 00338/2024/KQTN/41 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 30/05/2024

1 Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

2 Địa chỉ : Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

3 Ngày lấy mẫu : 23/05/2024

4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ

5 Loại mẫu : Không khí xung quanh

6 Kết quả đo đạc, phân tích :

Vị trí đo	Tiếng ồn ⁽¹⁾ (dBA)	Bụi ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)	Bụi ⁽²⁾ PM ₁₀ (mg/Nm ³)	Bụi ⁽²⁾ PM _{2,5} (mg/Nm ³)	NO ₂ ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)	SO ₂ ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)	H ₂ S ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)
Khu vực cổng 1 (X: 11.464381; Y: 106.135675)	66,5	0,19	0,04	KPH	0,061	0,066	KPH
Khu vực phía bên phải nhà máy cách cổng 1 khoảng 200m (X: 11.464257; Y: 106.132601)	64,2	0,18	0,035	KPH	0,063	0,064	KPH
Khu vực phía bên trái nhà máy cách cổng 1 khoảng 200m (X: 11.464372; Y: 106.137742)	60,4	0,20	0,04	KPH	0,061	0,060	KPH
Khu vực tiếp giáp nhà dân phía bên trái của nhà máy cách cổng 1 khoảng 400m (X: 11.464414; Y: 106.140497)	61,3	0,21	0,02	KPH	0,060	0,062	KPH
Khu vực tiếp giáp nhà dân phía bên phải của nhà máy cách cổng 1 khoảng 400m (X: 11.464293; Y: 106.132457)	63,5	0,19	0,03	KPH	0,061	0,064	KPH
Trên tuyến đường vận chuyển mía nông trường Biên Giới (X: 11.339898; Y: 105.888635)	65,7	0,20	0,07	KPH	0,063	0,072	KPH
Trên tuyến đường vận chuyển mía nông trường Bến cầu (X: 11.147698; Y: 106.030314)	62,1	0,21	0,02	KPH	0,065	0,074	KPH
QCVN 26:2010/BTNMT	≤ 70	-	-	-	-	-	-
QCVN 05:2023/BTNMT	-	≤ 0,3	-	-	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 0,042
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878- 2:2018	TCVN 5067:1995	AS/NZS 3580.9.7:2009	AS/NZS 3580.9.7:2009	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	MASA 701

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- ⁽²⁾ Thông số sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 117;
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN LAO ĐỘNG
SAO VIỆT
TP. THUẬN AN, B. DƯƠNG

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 00338/2024/KQTN/41 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 30/05/2024

- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
- Địa chỉ : Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
- Ngày lấy mẫu : 23/05/2024
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Loại mẫu : Không khí môi trường lao động
- Kết quả đo đạc, phân tích :

Bảng 1:

Vị trí đo	Bụi (mg/m ³)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)	Độ rung (m/s ²)	
							Rung đứng	Rung ngang
Khu vực tập kết nguyên liệu (X: 11.465586; Y: 106.131136)	0,39	31,6	66,5	0,6	76,3	ASTN	0,02	0,02
Khu vực khuếch tán (X: 11.466196; Y: 106.13119)	0,41	29,9	65,7	0,4	73,2	ASTN	0,04	0,02
Khu vực bốc hơi (X: 11.467053 ; Y: 106.131708)	0,35	30,3	69,3	0,5	75,6	ASTN	0,02	0,03
Khu vực nấu đường (X: 11.466452; Y: 106.132267)	0,45	31,2	67,2	0,3	77,4	515	0,03	0,02
QCVN 22:2016/BYT	-	-	-	-	-	≥ 300	-	-
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	-	≤ 85	-	-	-
QCVN 26:2016/BYT	-	18 – 32	40 – 80	0,2 – 1,5	-	-	-	-
QCVN 27:2016/BYT	-	-	-	-	-	-	≤ 0,086	≤ 0,06
QCVN 02:2019/BYT	≤ 8	-	-	-	-	-	-	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	QCVN 46 : 2022/BTNMT			TCVN 7878- 2:2018	TCVN 5176:1990	TCVN 6963:2011	

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – giá trị cho phép tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 00338/2024/KQTN/41 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 30/05/2024

1 Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

2 Địa chỉ : Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

3 Ngày lấy mẫu : 23/05/2024

4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ

5 Loại mẫu : Không khí xung quanh

6 Kết quả đo đạc, phân tích :

Vị trí đo	Tiếng ồn ⁽¹⁾ (dBA)	Bụi ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)	Bụi ⁽²⁾ PM ₁₀ (mg/Nm ³)	Bụi ⁽²⁾ PM _{2,5} (mg/Nm ³)	NO ₂ ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)	SO ₂ ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)	H ₂ S ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)
Khu vực cổng 1 (X: 11.464381; Y: 106.135675)	66,5	0,19	0,04	KPH	0,061	0,066	KPH
Khu vực phía bên phải nhà máy cách cổng 1 khoảng 200m (X: 11.464257; Y: 106.132601)	64,2	0,18	0,035	KPH	0,063	0,064	KPH
Khu vực phía bên trái nhà máy cách cổng 1 khoảng 200m (X: 11.464372; Y: 106.137742)	60,4	0,20	0,04	KPH	0,061	0,060	KPH
Khu vực tiếp giáp nhà dân phía bên trái của nhà máy cách cổng 1 khoảng 400m (X: 11.464414; Y: 106.140497)	61,3	0,21	0,02	KPH	0,060	0,062	KPH
Khu vực tiếp giáp nhà dân phía bên phải của nhà máy cách cổng 1 khoảng 400m (X: 11.464293; Y: 106.132457)	63,5	0,19	0,03	KPH	0,061	0,064	KPH
Trên tuyến đường vận chuyển mía nông trường Biên Giới (X: 11.339898; Y: 105.888635)	65,7	0,20	0,07	KPH	0,063	0,072	KPH
Trên tuyến đường vận chuyển mía nông trường Bến cầu (X: 11.147698; Y: 106.030314)	62,1	0,21	0,02	KPH	0,065	0,074	KPH
QCVN 26:2010/BTNMT	≤ 70	-	-	-	-	-	-
QCVN 05:2023/BTNMT	-	≤ 0,3	-	-	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 0,042
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878- 2:2018	TCVN 5067:1995	AS/NZS 3580.9.7:2009	AS/NZS 3580.9.7:2009	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	MASA 701

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- ⁽²⁾ Thông số sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 117;
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

PHÒNG THỬ NGHIỆM



TRẦN THỊ THỦY NHUNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 00338/2024/KQTN/41 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 30/05/2024

- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
- Địa chỉ : Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
- Ngày lấy mẫu : 23/05/2024
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Loại mẫu : Không khí môi trường lao động
- Kết quả đo đạc, phân tích :

Bảng 1:

Vị trí đo	Bụi (mg/m ³)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)	Độ rung (m/s ²)	
							Rung đứng	Rung ngang
Khu vực tập kết nguyên liệu (X: 11.465586; Y: 106.131136)	0,39	31,6	66,5	0,6	76,3	ASTN	0,02	0,02
Khu vực khuếch tán (X: 11.466196; Y: 106.13119)	0,41	29,9	65,7	0,4	73,2	ASTN	0,04	0,02
Khu vực bốc hơi (X: 11.467053 ; Y: 106.131708)	0,35	30,3	69,3	0,5	75,6	ASTN	0,02	0,03
Khu vực nấu đường (X: 11.466452; Y: 106.132267)	0,45	31,2	67,2	0,3	77,4	515	0,03	0,02
QCVN 22:2016/BYT	-	-	-	-	-	≥ 300	-	-
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	-	≤ 85	-	-	-
QCVN 26:2016/BYT	-	18 – 32	40 – 80	0,2 – 1,5	-	-	-	-
QCVN 27:2016/BYT	-	-	-	-	-	-	≤ 0,086	≤ 0,06
QCVN 02:2019/BYT	≤ 8	-	-	-	-	-	-	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	QCVN 46 : 2022/BTNMT			TCVN 7878- 2:2018	TCVN 5176:1990	TCVN 6963:2011	

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – giá trị cho phép tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN LAO ĐỘNG
SAO VIỆT
NGUYỄN THỊ HUYỀN